

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 4 năm 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Đèo Văn Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L T T, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có mặt.

Bị đơn: Anh T V N, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị L T T trình bày:

Chị T và anh N có đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/10/2015, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B cấp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn với nhau cả hai chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh N đã ly thân nhau được khoảng 03 năm nay, thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị T không

còn tình cảm với anh N nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung, tên là T T T V, sinh ngày 20/9/2015. Hiện tại cháu đang ở cùng chị T tại gia đình nhà bố mẹ chị T, sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nếu được nuôi cháu thì chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của anh N và xác định: Anh N và chị T kết hôn với nhau vào ngày 28/10/2015 theo đúng như lời khai của chị T. Anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N cũng nhất trí ly hôn với chị T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu gì. Về con chung thì anh N cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung thì giữa anh và chị T không có tài sản chung. Về nợ chung: Anh N khai anh và chị T có nợ chung tại Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện Phong Thổ với số tiền 62.000.000 đồng, mục đích vay để trang trải cuộc sống, tuy nhiên anh N không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến khoản nợ, không có yêu cầu phản tố.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh đối với trưởng bản A, xã B xác định: Chị T và anh N có cuộc sống bình thường như bao cặp vợ chồng khác, nhưng do anh N nghiện ma túy nên chị T và con mới bỏ về nhà bố mẹ để ở cho đến nay.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu T T T V. Nguyện vọng của cháu V sau khi bố mẹ ly hôn thì muốn được ở cùng mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L T T, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị L T T được ly hôn với anh T V N. Về con chung: giao cháu T T T V cho chị LT T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L T T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh N. Anh N có địa chỉ và nơi cư trú tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Do vậy đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N có đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/10/2015, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Nậm Xe cấp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị ly thân nhau được 03 năm nay, thời gian ly thân anh chị không quan tâm tới nhau. Xét thấy tình cảm giữa anh chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. **Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị L T T được ly hôn với anh T V N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.**

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung, tên là T T T V, sinh ngày 20/9/2015. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh N cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu. Ý kiến cả cháu V muốn được ở cùng mẹ sau khi bố và mẹ ly hôn. Để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự

phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi cho dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung,

Về nợ chung: Nguyên đơn khai cả hai vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn khai có nợ chung, nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, không có yêu cầu phản tố. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L T T được ly hôn với anh T V N.

Về con chung: Giao cháu T T T V cho chị L T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị L T T và anh T V N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị L T T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001254, ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. **Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Nậm Xe;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá